

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định hoạt động đo đạc và bản đồ
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số 926/TTr-TNMT ngày 17/12/2015 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 192/BC-STP ngày 26/11/2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3624/2005/QĐ-UB ngày 23/9/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- V0, V2, QH1, QLĐĐ1-2;
- Lưu: VT, QLĐĐ1.
25 bản – QĐ471.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Huy Hậu

QUY ĐỊNH

Về hoạt động đo đạc và bản đồ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4133 /2015/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Những nội dung không nêu trong quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, Ngành liên quan theo phân cấp của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Quy định này không áp dụng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động đo đạc và bản đồ nhằm mục đích phục vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ

1. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở và hệ thống các loại bản đồ được quy định tại Điều 5 của Quy định này phải được thiết lập trên hệ quy chiếu và hệ tọa độ Nhà nước VN-2000, kinh tuyến trục $107^{\circ} 45'$, múi chiếu 3° .

2. Những công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở Hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72 hoặc hệ tọa độ, độ cao chuyên ngành khác phải chuyển kết quả cuối cùng sang Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^{\circ} 45'$, múi chiếu 3° .

Điều 4. Công nghệ đo đạc và thành lập bản đồ

Bản đồ phải được thành lập bằng công nghệ số, sử dụng phần mềm theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và của các Bộ, Ngành chủ quản, đảm bảo thuận tiện cho việc lưu trữ, cập nhật, cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ

Điều 5. Các hoạt động đo đạc và bản đồ trong quy định này bao gồm:

1. Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;
2. Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng;
3. Thành lập hệ thống bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính;
4. Thành lập bản đồ địa hình, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;
5. Khảo sát, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
6. Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính, thành lập và hiện chỉnh bản đồ hành chính các cấp;
7. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên dụng;
8. Cắm mốc địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, mốc quy hoạch sử dụng đất, mốc lộ giới giao thông, mốc giới giải phóng mặt bằng, mốc ranh giới tài nguyên khoáng sản và mốc giới các công trình khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 6. Lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

1. Nguyên tắc lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình, Dự án đo đạc và bản đồ
 - Các công trình, Dự án đo đạc và bản đồ phải lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện;
 - Chủ đầu sử dụng đơn vị trực thuộc hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện và năng lực được Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung khảo sát, lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ để lập Thiết kế kỹ thuật- Dự toán;
 - Việc lập dự toán kinh phí phải dựa trên đơn giá đo đạc và bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; Trường hợp chưa có đơn giá để áp dụng, dự toán kinh phí phải lập theo định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành và trình Sở Tài chính thẩm định.
2. Căn cứ lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán
 - a. Phạm vi nhiệm vụ của dự án;
 - b. Các tài liệu trắc địa, bản đồ hiện có, chất lượng tài liệu;
 - c. Báo cáo khảo sát khu vực dự án về mức độ khó khăn, khả năng sử dụng các tài liệu trắc địa bản đồ hiện có;
 - d. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về đo đạc và bản đồ do các bộ, ngành ban hành;
 - e. Đơn giá đo đạc, thành lập bản đồ do UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành;

f. Các văn bản về định mức kinh tế - kỹ thuật và lập dự toán kinh phí về đo đạc và bản đồ do các bộ, ngành ban hành.

3. Nội dung của Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

a. Sự cần thiết phải đo đạc, thành lập bản đồ;

b. Cơ sở pháp lý, các văn bản sử dụng trong thiết kế và thi công;

c. Mục đích, yêu cầu, phạm vi của dự án;

d. Đặc điểm địa hình, tình hình kinh tế xã hội của địa phương nơi thực hiện dự án;

e. Hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ địa giới hành chính, các tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;

f. Thiết kế và giải pháp kỹ thuật từ tổng thể đến chi tiết cho từng hạng mục;

g. Kế hoạch thực hiện;

h. Quy định về công tác kiểm tra nghiệm thu, giao nộp sản phẩm;

i. Tổng hợp các hạng mục công việc, phân loại khó khăn;

j. Dự toán kinh phí.

4. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất không phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán nhưng phải lập phương án thi công và được cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt.

Nội dung chính của phương án thi công bao gồm:

a. Căn cứ lập phương án;

b. Tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

c. Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;

d. Kinh phí thực hiện.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

1. Cơ quan thẩm định:

a. Dự án đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách của tỉnh và của các địa phương trong tỉnh:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định Thiết kế kỹ thuật - Dự toán các dự án đo đạc và bản đồ địa chính; Trường hợp dự án do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư hoặc dự án có hạng mục công trình đo đạc và bản đồ chưa có đơn giá để áp dụng thì Sở Tài chính thẩm định phần dự toán kinh phí;

- Các sở (như Giao thông - Vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...) chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định Thiết kế kỹ thuật - Dự toán các dự án đo đạc và bản đồ chuyên ngành; Trường hợp dự án do các sở chuyên ngành làm chủ đầu tư hoặc dự án có hạng mục công trình đo đạc và bản đồ chưa có đơn giá để áp dụng thì Sở Tài chính thẩm định phần dự toán kinh phí;

- Kết quả thẩm định là căn cứ để phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán và nghiệm thu thanh quyết toán công trình đo đạc và bản đồ theo quy định.

b. Công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước

- Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phần Thiết kế kỹ thuật các dự án đo đạc và bản đồ địa chính, chủ đầu tư tự thẩm định phần Dự toán kinh phí;

- Các sở (như Giao thông - Vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...) chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phần Thiết kế kỹ thuật các dự án đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chủ đầu tư tự thẩm định phần Dự toán kinh phí.

2. Hồ sơ trình thẩm định:

a. Tờ trình thẩm định của chủ đầu tư;

b. Hồ sơ năng lực tổ chức lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán;

c. Báo cáo khảo sát phục vụ công tác lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán;

d. Thiết kế kỹ thuật - Dự toán (Kèm theo file số);

e. Các văn bản sử dụng làm căn cứ để lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán.

3. Nội dung thẩm định:

a. Sự cần thiết thực hiện dự án đo đạc thành lập bản đồ;

b. Tính đầy đủ, khách quan của báo cáo khảo sát;

c. Phạm vi thực hiện và giải pháp kỹ thuật công nghệ;

d. Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về đo đạc và bản đồ;

e. Việc áp dụng đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng dự toán kinh phí, kết luận về tổng dự toán kinh phí (đối với các dự án đo đạc và bản đồ sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước);

f. Trách nhiệm giao nộp tài liệu.

4. Thời gian thẩm định Thiết kế kỹ thuật - dự toán không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán

a. Các dự án đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước của tỉnh và của các địa phương trong tỉnh: việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán được thực hiện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b. Các dự án đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước: việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán thuộc thẩm quyền của Chủ đầu tư.

Điều 8. Tổ chức thực hiện dự án đo đạc và bản đồ

1. Căn cứ vào Thiết kế kỹ thuật - Dự toán của dự án đã được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị có đủ điều kiện và năng lực tham gia thực hiện dự án đo đạc và bản đồ bằng hình thức đấu thầu, đặt hàng hay giao kế hoạch theo quy định của Nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức có đủ năng lực, được Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thì được tham gia thực hiện dự án đo

đạc và bản đồ và chỉ được nhận thầu thực hiện những công trình tương ứng với điều kiện và năng lực được phép hành nghề.

3. Đơn vị thực hiện thi công công trình đo đạc và bản đồ có trách nhiệm tổ chức thi công theo đúng thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt, tuân thủ quy trình, quy phạm, đảm bảo tiến độ thực hiện và chịu sự giám sát, kiểm tra chất lượng của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

Điều 9. Kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Đơn vị thi công sử dụng lực lượng chuyên môn, kỹ thuật của mình để thực hiện việc kiểm tra tiến độ thi công; kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng từng công đoạn, từng hạng mục và chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do đơn vị thực hiện trước chủ đầu tư.

2. Chủ đầu tư sử dụng cơ quan chuyên môn về đo đạc và bản đồ của mình để thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; Chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ trước cơ quan quyết định đầu tư.

Trường hợp chủ đầu tư không có cơ quan chuyên môn đủ điều kiện và năng lực để thực hiện các công việc trên thì thuê tư vấn có đủ điều kiện và năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện.

Cơ quan, tổ chức được Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thì được thực hiện kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo đề nghị của chủ đầu tư.

Cơ quan kiểm tra, nghiệm thu có trách nhiệm ký xác nhận chất lượng, khối lượng vào bản đồ và hồ sơ liên quan; chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và trước pháp luật về kết quả kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm.

Điều 10. Thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Các sở, ngành chuyên môn có trách nhiệm thẩm định kết quả nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi sử dụng làm tài liệu, hồ sơ quản lý nhà nước hoặc phục vụ thiết kế, thi công các công trình:

a. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên đề, hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng trên phạm vi toàn tỉnh;

b. Các sở, ngành có dự án liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành (như Nội vụ, Giao thông, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...) chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành.

2. Hồ sơ thẩm định:

- a. Dự án, thiết kế - kỹ thuật dự toán đã được phê duyệt;
- b. Hồ sơ giám sát công trình của đơn vị tư vấn giám sát;
- c. Hồ sơ kiểm tra chất lượng cấp đơn vị thi công;

- d. Hồ sơ kiểm tra chất lượng cấp chủ đầu tư;
- e. Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan.

3. Nội dung thẩm định:

- a. Sự tuân thủ thiết kế kỹ thuật, quy trình, quy phạm đo đạc của đơn vị thi công;
- b. Sự tuân thủ các quy định về công tác giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ, việc xử lý các phát sinh trong quá trình thi công của đơn vị tư vấn giám sát và của chủ đầu tư;
- c. Tính khách quan, hợp lý, đầy đủ, chính xác của hồ sơ kiểm tra nghiệm thu cấp đơn vị thi công và cấp chủ đầu tư;
- d. Chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ;
- e. Khối lượng, giá trị thực hiện.

4. Cơ quan chủ trì thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trách nhiệm lập văn bản thẩm định gửi cho chủ đầu tư, đơn vị thi công và các cơ quan liên quan làm căn cứ để phê duyệt, thanh, quyết toán công trình và đưa sản phẩm vào sử dụng. Trường hợp chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu hoặc việc tính toán khối lượng chưa phù hợp, chủ đầu tư và đơn vị thi công có trách nhiệm sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm, tính toán lại khối lượng thực hiện.

5. Các dự án đo đạc và bản đồ, hạng mục đo đạc và bản đồ thuộc các dự án chuyên ngành có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ được thanh quyết toán theo kết quả thẩm định của cơ quan thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ quy định tại quy định này.

Điều 11. Giao nộp sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Sau khi hoàn thành dự án, công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ, chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công giao nộp sản phẩm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời giao nộp một (01) bộ sản phẩm (dạng giấy và dạng số) cho cơ quan lưu trữ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Sản phẩm giao nộp dạng giấy phải được thủ trưởng cơ quan chủ đầu tư, thủ trưởng đơn vị thi công, đơn vị kiểm định chất lượng và các cấp có thẩm quyền liên quan ký tên, đóng dấu xác nhận.

3. Việc giao nộp sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện trong thời hạn ba (03) tháng kể từ khi công trình, dự án được hoàn thành và phải lập thành biên bản giao nộp sản phẩm để làm căn cứ quyết toán công trình, dự án.

4. Công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ được công nhận hoàn thành và được thanh quyết toán kinh phí khi có biên bản bàn giao sản phẩm với cơ quan lưu trữ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Lưu trữ, cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Cơ quan lưu trữ của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật, lưu trữ, quản lý thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và các thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi

trường bàn giao; Bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin, dữ liệu khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân theo quy định của Nhà nước; Xác nhận nguồn gốc hợp pháp của thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

2. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp chỉ được sử dụng đúng mục đích khi yêu cầu cung cấp, không được sao hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác.

3. Tổ chức, cá nhân phải nộp phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (*Trường hợp cơ quan nhà nước, cơ quan của Đảng, cơ quan của tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp được cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ để thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng của mình thì không phải nộp phí, lệ phí*).

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, quy định, quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b. Thẩm định Thiết kế kỹ thuật- Dự toán các dự án đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 7 của Quy định này;

c. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ và của các bộ, ngành khác;

d. Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý hệ thống tư liệu đo đạc và bản đồ trên toàn tỉnh; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ theo quy định;

e. Tổ chức xây dựng bộ đơn giá đo đạc và bản đồ địa chính để thống nhất áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh

f. Thẩm định chất lượng, khối lượng, giá trị các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 10 của Quy định này;

g. Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

h. Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ; Cập nhật, lưu trữ, công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao;

i. Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn về đo đạc và bản đồ phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường áp dụng phù hợp với điều kiện của tỉnh;

j. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh thuộc địa phương; ấn phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật.

3. Trách nhiệm của các sở quản lý đo đạc và bản đồ chuyên ngành

a. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của bộ, ngành chủ quản, xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn về đo đạc và bản đồ chuyên ngành áp dụng phù hợp với điều kiện của tỉnh;

b. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, dự án có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành;

c. Tổ chức xây dựng bộ đơn giá đo đạc và bản đồ chuyên ngành để thống nhất áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh;

d. Thẩm định thiết kế kỹ thuật- dự toán các dự án đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 7 của Quy định này;

e. Thẩm định chất lượng, khối lượng, giá trị các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.

4. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a. Chủ trì thẩm định bộ đơn giá đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên ngành trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để thống nhất áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh;

b. Thẩm định dự toán kinh phí các dự án đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước khi chưa có đơn giá và các hạng mục công việc chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật để áp dụng.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND cấp xã thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định;

b. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a. Tổ chức tuyên truyền và giáo dục mọi công dân có ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b. Ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc, bản đồ và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc tại địa phương.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật có liên quan khác khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ;

2. Giữ gìn, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật;

3. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ;

4. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản định chỉ phát hành hoặc thu hồi: các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

Điều 15. Thanh tra đo đạc và bản đồ

1. Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Nội dung thanh tra:

a) Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Thanh tra về đo đạc và bản đồ theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Xác minh, kết luận nội dung khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ để đề xuất biện pháp giải quyết.

3. Quyền của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên khi tiến hành thanh tra:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu cần thiết cho việc thanh tra;

b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm về đo đạc và bản đồ theo quy định pháp luật.

Điều 16. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ;

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được đơn khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm giải quyết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hướng dẫn thi hành

Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này;

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn và phối hợp với Thủ trưởng các ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thi hành quy định này trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành;

2. Cán bộ, công chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn, có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành. /-H

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Huy Hậu

Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này;

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn và phối hợp với Thủ trưởng các ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thi hành quy định này trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành;

2. Cán bộ, công chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn, có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Huy Hậu

Handwritten scribble or signature in red ink, possibly containing the number '2'.